

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

MÔN THI: LÝ THUYẾT NGHỀ

(Kỳ thi ngày 09 tháng 02 năm 2026)

Hệ đào tạo: Cao đẳng

Khóa học: Cao đẳng khóa 16

Lớp: C16IT

Nghề: Công nghệ thông tin (UDPM)

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Ghi chú
1	2332020106	Phan Văn Nhân	30/01/2001	8.7	Tám điểm bảy	
2	2332020110	Trần Nguyễn Ngọc Như	28/06/2005	6.6	Sáu điểm sáu	

Tổng điểm 15.3

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Hoàng Nga My

Trưởng ban thư ký

Nguyễn Văn Cơ

Chủ tịch Hội đồng

Hiệu trưởng

Phạm Bá Hùng

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
MÔN THI: LÝ THUYẾT NGHỀ

(Kỳ thi ngày 09 tháng 02 năm 2026)

Hệ đào tạo: Cao đẳng

Khóa học: Cao đẳng khóa 16

Lớp: C16HD

Nghề: Hướng dẫn du lịch

TT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm bảng số	Điểm bằng chữ	Ghi chú
1	2331040148	Lý Kiều	Chi	23/03/2004	7.9	Bảy điểm chín	
2	2331040142	Lê Viết	Hải	01/01/2003	8.8	Tám điểm tám	
3	2331040141	Phan Thân Thúy	Hằng	23/08/2005	7.1	Bảy điểm một	
4	2331030172	Nguyễn Hoàng Mỹ	Hồng	19/01/2001	7.9	Bảy điểm chín	
5	2332010167	Đoàn Văn Đồng	Hỷ	15/10/2002	7.8	Bảy điểm tám	
6	2331030134	Trần Thị Mai	Ly	07/11/2005	7.5	Bảy điểm rưỡi	
7	2331030171	Nguyễn Phan Thảo	My	12/05/2003	7.4	Bảy điểm bốn	
8	2331040150	Phù Trần Hằng	Nga	24/12/2004	7.6	Bảy điểm sáu	
9	2331040143	Hoàng Đình	Nghị	06/05/2003	8.3	Tám điểm ba	
10	2331030117	Trương Thị Thảo	Nguyên	06/01/2003	9.0	Chín điểm chẵn	
11	2331030124	Lê Thị Kim	Oanh	23/10/2005	7.7	Bảy điểm bảy	
12	2331030136	Cao Ngọc	Phong	06/05/2005	7.1	Bảy điểm một	
13	2331030157	Lê Thị Hoài	Phương	16/11/2005	9.3	Chín điểm ba	
14	2331030112	Lê Thanh	Sang	30/09/2000	8.9	Tám điểm chín	
15	2331030133	Võ Thị Phương	Thảo	15/11/2002	8.0	Tám điểm chẵn	
16	2331030137	Nguyễn Trịnh Anh	Thư	01/09/2005	7.5	Bảy điểm rưỡi	
17	2331030128	Phan Thị Hoàng	Trinh	25/10/1995	8.6	Tám điểm sáu	

Tổng điểm

136.4

Chủ tịch Hội đồng

Cán bộ vào điểm

Trưởng ban thư ký

Hiệu trưởng

Nguyễn Hoàng Nga My

Nguyễn Văn Cơ

Phạm Bá Hùng

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

MÔN THI: LÝ THUYẾT NGHỀ

(Kỳ thi ngày 09 tháng 02 năm 2026)

Hệ đào tạo: Cao đẳng
Lớp: C14CB2, C15CB1

Khóa học: Cao đẳng khóa 14, 15
Nghề: Kỹ thuật chế biến món ăn

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Ghi chú
1	2132070067	Trần Nhật Huy	19/01/1999	7.1	Bảy điểm một	C14CB2
2	2232070198	Đỗ Mạnh Trí	18/12/2002	7.8	Bảy điểm tám	C15CB1

Tổng điểm 14.9

Chủ tịch Hội đồng

Cán bộ vào điểm

Trưởng ban thư ký

Hiệu trưởng

Nguyễn Hoàng Nga My

Nguyễn Văn Cơ

Phạm Bá Hùng

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

MÔN THI: LÝ THUYẾT NGHỀ

(Kỳ thi ngày 09 tháng 02 năm 2026)

Hệ đào tạo: Cao đẳng
Lớp: C16CB1

Khóa học: Cao đẳng khóa 16
Nghề: Kỹ thuật chế biến món ăn

TT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Ghi chú
1	2332070241	Phan Thị Vân	Anh	21/07/2005	5.1	Năm điểm một	
2	2332070209	Nguyễn Ngọc	Ánh	17/09/2005	5.8	Năm điểm tám	
3	2332070246	Nguyễn Ích Tuần	Châu	04/06/2005	7.2	Bảy điểm hai	
4	2332070213	Đào Việt	Đức	06/09/2005	7.4	Bảy điểm bốn	
5	2332070240	Trần Nguyên	Hào	26/09/2005	7.8	Bảy điểm tám	
6	2332070349	Hồ Quang	Hùng	25/5/2005	6.4	Sáu điểm bốn	
7	2332070243	Nguyễn Văn Nhật	Huy	23/03/2005	7.2	Bảy điểm hai	
8	2332070236	Trần Hữu	Kha	11/03/2005	6.1	Sáu điểm một	
9	2332070244	Lê Việt	Kha	12/04/2005	7.0	Bảy điểm chẵn	
10	2332070250	Nguyễn Công	Long	22/02/2004	8.1	Tám điểm một	
11	2332072021	Hoàng Thị Trà	My	18/01/2005	5.9	Năm điểm chín	
12	2332070256	Hồ Văn	Mỹ	02/12/2005	6.5	Sáu điểm rưỡi	
13	2332010161	Phạm Thị Hằng	Nga	23/09/2005	5.4	Năm điểm bốn	
14	2332070376	Lê Nguyễn Thành	Nhân	7/10/2005	6.8	Sáu điểm tám	
15	2332070277	Hồ Thị Kim	Nhung	22/02/2005	4.5	Bốn điểm rưỡi	
16	2332070229	Nguyễn Thanh	Phú	19/04/2005	6.1	Sáu điểm một	

TT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Ghi chú
17	2332070274	Nguyễn Thị	Phương	21/12/2005	5.0	Năm điểm chẵn	
18	2332010159	Trương văn	Ngọc Quy	30/08/2004	6.1	Sáu điểm một	
19	2332070225	Trần Văn	Tài	12/11/2005	5.9	Năm điểm chín	
20	2332070224	Đặng Thị	Thanh Thảo	08/11/2005	5.6	Năm điểm sáu	
21	2332070227	Phan Tấn	Tiến	19/11/2005	5.2	Năm điểm hai	
22	2332070276	Nguyễn Văn	Tín	08/04/2004	7.1	Bảy điểm một	
23	2322070065	Phạm Thị	Đoan Trang	24/10/2005	6.4	Sáu điểm bốn	
24	2332070239	Ngô Ngọc	Thanh Trung	13/11/2005	5.7	Năm điểm bảy	
25	2332070230	Lê Đình	Nhật Vĩ	01/02/2004	6.7	Sáu điểm bảy	
26	2332070249	Trần Văn	Nguyễn Vũ	05/11/2002	5.3	Năm điểm ba	
27	2332070245	Lê Huỳnh	Nhã Vy	23/12/2005	5.4	Năm điểm bốn	

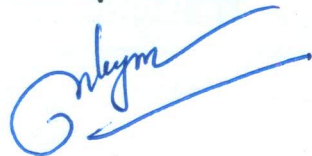
Tổng điểm 167.7

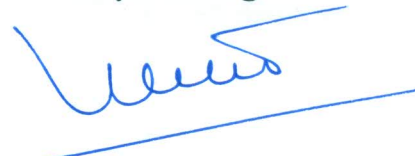
Chủ tịch Hội đồng

Hiệu trưởng

Cán bộ vào điểm

Trưởng ban thư ký





Nguyễn Hoàng Nga My

Nguyễn Văn Cơ

Phạm Bá Hùng

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
MÔN THI: LÝ THUYẾT NGHỀ
(Kỳ thi ngày 09 tháng 02 năm 2026)

Hệ đào tạo: Cao đẳng
Lớp: C16CB2

Khóa học: Cao đẳng khóa 16
Nghề: Kỹ thuật chế biến món ăn

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Ghi chú
1	2332070309	Vương Hoàng Nguyên Bách	30/07/2005	6.2	Sáu điểm hai	
2	2332070220	Nguyễn Bá Tiến Đạt	04/11/2004	7.3	Bảy điểm ba	
3	2332070317	Phan Thị Mỹ Duyên	16/08/2003	7.5	Bảy điểm rưỡi	
4	2332070260	Nguyễn Thanh Hiếu	23/04/2002	8.5	Tám điểm rưỡi	
5	2332070255	Nguyễn Văn Nhật Huy	20/11/2005	8.6	Tám điểm sáu	
6	2332070228	Hồ Văn Cao Kỳ	25/06/2005	5.9	Năm điểm chín	
7	2332070262	Phạm Hữu Lợi	01/02/2005	6.6	Sáu điểm sáu	
8	2332070218	Nguyễn Lê Mận Mận	26/04/2005	5.6	Năm điểm sáu	
9	2332070380	Trần Thị Ngọc Nhung	20/7/1989	8.6	Tám điểm sáu	
10	2332070271	Trần Quang Thành	21/01/2005	6.5	Sáu điểm rưỡi	
11	2322070073	Phạm Hữu Thảo	30/01/2005	6.8	Sáu điểm tám	
12	2332070235	Nguyễn Hoàng Minh Tuấn	20/02/2005	6.1	Sáu điểm một	
13	2332070232	Trần Nguyễn Phương Uyên	23/12/2005	5.8	Năm điểm tám	
14	2332070275	Đinh Hữu Hoàng Việt	01/04/2005	6.1	Sáu điểm một	

Tổng điểm 96.1

Chủ tịch Hội đồng

Cán bộ vào điểm

Trưởng ban thư ký

Hiệu trưởng

Nguyễn Hoàng Nga My

Nguyễn Văn Cơ

Phạm Bá Hùng

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
MÔN THI: LÝ THUYẾT NGHỀ
(Kỳ thi ngày 09 tháng 02 năm 2026)

Hệ đào tạo: Cao đẳng

Khóa học: Cao đẳng khóa 15, 16

Lớp: C15KS1, C15KS2, C16KS

Nghề: Quản trị khách sạn

TT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Ghi chú
1	2232010176	Phan Lê Tuấn	Kiệt	25/07/2003	6.2	Sáu điểm hai	C15KS1
2	2232010147	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	22/06/2004	6.6	Sáu điểm sáu	C15KS2
3	2232010188	Lê Thị Khánh	Linh	22/10/2001	6.5	Sáu điểm rưỡi	C15KS2
4	2232010150	Lê Thị Ngọc	Yến	28/12/2004	6.7	Sáu điểm bảy	C15KS2
5	2332010160	Hoàng Nhật	Anh	26/01/2004	5.9	Năm điểm chín	C16KS1
6	2332010229	Hồ Hồng	Anh	25/03/2004	8.7	Tám điểm bảy	C16KS1
7	2332010183	Dương Công	Bảo	14/08/2004	7.7	Bảy điểm bảy	C16KS1
8	2332010156	Trần Mỹ	Dung	22/03/2005	8.6	Tám điểm sáu	C16KS1
9	2331040145	Lê Thị Cẩm	Hằng	11/05/2005	9.3	Chín điểm ba	C16KS1
10	2332010186	Lê Thị Kim	Liên	01/09/2005	5.2	Năm điểm hai	C16KS1
11	2332010194	Đỗ Trần Huyền	Linh	27/10/2005	7.2	Bảy điểm hai	C16KS1
12	2332010158	Trương Thị Cẩm	Ly	17/06/2005	8.6	Tám điểm sáu	C16KS1
13	2332010195	Đỗ Thị Ngọc	My	01/05/2005	5.1	Năm điểm một	C16KS1
14	2332010151	Nguyễn Thị Kim	Ngân	16/10/2003	4.2	Bốn điểm hai	C16KS1
15	2332040195	Trần Thị Kim	Ngân	02/11/2001	5.3	Năm điểm ba	C16KS1
16	2332010153	Phan Thị Bích	Ngọc	07/09/2003	7.6	Bảy điểm sáu	C16KS1
17	2332010184	Trần Ngọc	Nhật	11/01/2004	7.8	Bảy điểm tám	C16KS1
18	2332010187	Lê Thị Mai	Phương	15/02/2005	5.0	Năm điểm chẵn	C16KS1
19	2332010173	Nguyễn Phan Thanh	Tài	24/07/2005	7.5	Bảy điểm rưỡi	C16KS1
20	2332010178	Nguyễn Ái	Thủy	02/02/2005	9.1	Chín điểm một	C16KS1

TT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Ghi chú
21	2332010177	Nguyễn Nhật	Trinh	07/11/2003	7.6	Bảy điểm sáu	C16KS1
22	2332010185	Trần Thị Thuỳ	Trinh	13/03/2005	8.4	Tám điểm bốn	C16KS1
23	2332010189	Đinh Thị Tuệ	Trinh	07/02/2005	6.4	Sáu điểm bốn	C16KS1
24	2332070286	Đặng Hoàng	Việt	27/01/2005	7.6	Bảy điểm sáu	C16KS1
25	2332010201	Huỳnh Thị Yến	Vy	02/08/2005	8.3	Tám điểm ba	C16KS1
26	2332010179	Nguyễn Thị	Xuân	03/10/2005	7.7	Bảy điểm bảy	C16KS1
27	2332010181	Trần Thị Thu	Hà	03/02/2002	8.7	Tám điểm bảy	C16KS2
28	2332040193	Đinh Thị Thu	Nga	02/11/2004	8.8	Tám điểm tám	C16KS2
29	2332060203	Phan Viết	Nhật	17/04/2005	7.9	Bảy điểm chín	C16KS2
30	2332010163	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	01/03/2005	8.3	Tám điểm ba	C16KS2
31	2332010152	Nguyễn Lê Nhã	Quyên	08/01/2005	7.9	Bảy điểm chín	C16KS2
32	2232010175	Lê Thị Anh	Trúc	20/11/2004	6.5	Sáu điểm rưỡi	C16KS2
33	2332010191	Lê Kim	Trường	16/08/2004	8.2	Tám điểm hai	C16KS2

Tổng điểm

241.1

Chủ tịch Hội đồng

Cán bộ vào điểm

Trưởng ban thư ký

Hiệu trưởng





Nguyễn Hoàng Nga My

Nguyễn Văn Cơ

Phạm Bá Hùng

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
MÔN THI: LÝ THUYẾT NGHỀ
(Kỳ thi ngày 09 tháng 02 năm 2026)

Hệ đào tạo: Cao đẳng
Lớp: C16BP

Khóa học: Cao đẳng khóa 16
Nghề: Quản trị buồng phòng

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm bảng số	Điểm bằng chữ	Ghi chú
1	2332040196	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	30/03/2005	6.2	Sáu điểm hai	
2	2332040197	Tổng Thị Trà My	01/03/2005	7.8	Bảy điểm tám	
3	2332040192	Lê Nguyễn Thành Nhân	08/07/2005	7.1	Bảy điểm một	
4	2331040146	Võ Thị Phương Nhi	26/05/2005	6.2	Sáu điểm hai	

Tổng điểm 27.3

Chủ tịch Hội đồng

Cán bộ vào điểm

Trưởng ban thư ký

Hiệu trưởng

Nguyễn Hoàng Nga My

Nguyễn Văn Cơ

Phạm Bá Hùng

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
MÔN THI: LÝ THUYẾT NGHỀ
(Kỳ thi ngày 09 tháng 02 năm 2026)

Hệ đào tạo: Cao đẳng
Lớp: C16NH

Khóa học: Cao đẳng khóa 16
Nghề: Quản trị nhà hàng

TT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Ghi chú
1	2332060204	Ngô Phước Quốc	Cường	21/09/2003	7.8	Bảy điểm tám	
2	2332060199	Hồ Thị Thu	Thảo	04/10/2005	8.2	Tám điểm hai	
3	2332060205	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	05/06/2005	6.5	Sáu điểm rưỡi	

Tổng điểm **22.5**

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Hoàng Nga My

Trưởng ban thư ký

Nguyễn Văn Cơ

Chủ tịch Hội đồng

Hiệu trưởng

Phạm Bá Hùng

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
MÔN THI: LÝ THUYẾT NGHỀ
(Kỳ thi ngày 09 tháng 02 năm 2026)

Hệ đào tạo: Cao đẳng
Lớp: C16TE

Khóa học: Cao đẳng khóa 16
Nghề: Tiếng Anh du lịch

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Ghi chú
1	2332270094	Võ Tuyết	Băng	17/03/2004	7.3	Bảy điểm ba	
2	2332010174	Đặng Ngọc	Hưng	15/04/2005	9.5	Chín điểm rưỡi	
3	2331040144	Nguyễn Thị	Hương	24/05/2000	9.1	Chín điểm một	
4	2331030130	Nguyễn Thị Duy	Lin	26/01/2005	7.4	Bảy điểm bốn	

Tổng điểm 33.3

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Hoàng Nga My

Trưởng ban thư ký

Nguyễn Văn Cơ

Chủ tịch Hội đồng
Hiệu trưởng

Phạm Bá Hùng

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
MÔN THI: LÝ THUYẾT NGHỀ
(Kỳ thi ngày 09 tháng 02 năm 2026)

Hệ đào tạo: Cao đẳng
Lớp: C15TA, C16TA

Khóa học: Cao đẳng khóa 15, 16
Nghề: Phiên dịch tiếng Anh du lịch

TT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm bảng số	Điểm bằng chữ	Ghi chú
1	2232010211	Hồ Văn Minh	Phong	16/08/2000	8.2	Tám điểm hai	C15TA
2	2332180104	Phạm Hoài	Anh	01/10/2005	8.0	Tám điểm chẵn	C16TA
3	2332030091	Huỳnh Vũ Kim	Hoàng	25/08/2005	8.1	Tám điểm một	C16TA
4	2332030093	Phan Thị Vân	Nhi	10/01/2004	7.0	Bảy điểm chẵn	C16TA
5	2332030089	Trần Thị Thanh	Thảo	26/09/2005	5.9	Năm điểm chín	C16TA

Tổng điểm **37.2**

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Hoàng Nga My

Trưởng ban thư ký

Nguyễn Văn Cơ

Chủ tịch Hội đồng

Hiệu trưởng

Phạm Bá Hùng